TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 101/2023/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 04 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 204/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa:

- ***Nguyên đơn*:** Ông T X H - sinh năm 1955
- ***Bị đơn*:** Bà L T H - sinh năm 1961

Đều có địa chỉ: khu T, thị trấn K, huyện K, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3, 5 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông T X H và bà L T H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung; Về nghĩa vụ chung về tài sản; Về công sức: Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí: Ông T X H, bà L T H được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện;
- THADS huyện;
- UBND thị trấn K;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo